

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÒNG VẤN VÀO HỆ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 2 NĂM 2014

THEO ĐỀ ÁN TUYỂN SINH RIÊNG

STT	Khối	Tên ngành	Họ	Tên	GT	NS	Đôi tượng	Tỉnh	Huyện	Năm TN	KV	TB THPT
1	B	Chăn nuôi	Hoàng Thị	Hạnh	Nữ	07/01/96		10	11	2014	1	5,9
2	B	Chăn nuôi	Trần Văn	Đại	Nam	04/02/95		18	08	2014	1	5,8
3	B	Chăn nuôi	Nguyễn Quang	Đông	Nam	21/04/96		62	01	2014	1	7,1
4	B	Lâm sinh	Triệu Bằng	Khê	Nam	03/09/96	01	06	08	2014	1	7,3
5	B	Công nghệ thực phẩm	Nguyễn Đình	Tuấn	Nam	04/11/96		19	04	2014	2NT	6,2
6	B	Công nghệ sinh học	Phùng Minh	Hiền	Nữ	28/07/96		18	06	2014	1	6,5
7	A	Khoa học cây trồng	Đặng Thảo	Linh	Nữ	31/12/96		08	08	2014	1	5,8
8	A	Khoa học cây trồng	Phạm Thùy	Linh	Nữ	16/03/96	01	08	08	2014	1	6,7
9	A	Khoa học cây trồng	Nguyễn Đắc	Nghĩa	Nam	19/01/96		18	06	2014	1	6,0
10	A	Khoa học cây trồng	Sên Quốc	Việt	Nam	01/09/96	01	05	08	2014	1	5,8
11	A	Quản lý Tài nguyên rừng	Tráng Thị	Thảo	Nữ	05/04/96	01	08	08	2014	1	6,9
12	A	Quản lý Tài nguyên rừng	Đào Văn	Mếnh	Nam	18/10/96	01	06	12	2014	1	6,3
13	A	Quản lý Tài nguyên rừng	Đặng Ngọc	Quý	Nam	01/06/96		15	11	2014	1	6,9
14	D1	Quản lý Tài nguyên rừng	Ngọc Văn	Đức	Nam	08/07/92		18	04	2014	1	6,0
15	D1	Quản lý Tài nguyên rừng	Trần Khánh	Duy	Nam	10/04/96		13	07	2014	1	6,7
16	A	Thú y	Đoàn Thành	Đạt	Nam	11/08/95		03	03	2013	3	6,5
17	A	Thú y	Vũ Việt	Hoàng	Nam	31/05/96		08	07	2014	1	6,9
18	A	Thú y	Phạm Văn	Hào	Nam	16/03/96		18	06	2014	1	6,2
19	A	Thú y	Đào Văn	Thùy	Nam	21/03/96		18	08	2014	1	5,5
20	A	Thú y	Nguyễn Thị	Vi	Nữ	20/10/96		28	23	2014	2NT	7,0
21	B	Thú y	Lê Thị Minh	Hiền	Nữ	05/09/96		16	01	2014		7,0
22	B	Thú y	Nguyễn Văn	Nguyên	Nam	03/06/95		19	03	2014	2NT	6,0
23	B	Thú y	Lương Huyền	Trang	Nữ	16/10/96	01	13	09	2014	1	6,2
24	A	Thú y	Hoàng Thị Ngọc	Hà	Nữ	09/04/96		21	01	2014	2	6,2
25	B	Thú y	Đinh Gia	Bảo	Nam	11/12/95	06	02	17	2014	3	6,7
26	B	Thú y	Nguyễn Thu	Hường	Nữ	16/06/96		07	02	2014	1	6,6
27	B	Thú y	Nguyễn Văn	Quân	Nam	05/05/92		18	06	2010	2NT	6,2
28	B	Thú y	Đỗ Văn	Thảo	Nam	15/06/96		18	09	2014	2NT	6,2
29	A	Quản lý TN & MT	Nguyễn Trọng	Trung	Nam	16/08/96		17	01	2014	2	6,8

STT	Khối	Tên ngành	Họ	Tên	GT	NS	Đối tượng	Tỉnh	Huyện	Năm TN	KV	TB THPT
30	A	Quản lý TN & MT	Nguyễn Huy	Thiệp	Nam	10/09/92		19	01	2010		6,6
31	B	Quản lý TN & MT	Nguyễn Thị Lâm	Ngọc	Nữ	14/03/96		19	01	2014	2	6,6
32	A	Quản lý TN & MT	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	25/09/96		14	10	2014	1	6,3
33	B	Quản lý TN & MT	Đặng Thị Thu	Hà	Nữ	08/09/95		17	08	2013	1	6,1
34	B	Quản lý TN & MT	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	07/01/96		18	01	2014	2	7,5
35	A	Quản lý TN & MT	Vũ Mạnh	Thắng	Nam	21/02/96		18	10	2014	1	7,1
36	A	Quản lý TN & MT	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nam	17/12/96		09	06	2014	1	6,1
37	A1	Quản lý TN & MT	Nguyễn Minh	Hạnh	Nữ	22/12/96		09	01	2014	1	6,1
38	A	Quản lý TN & MT	Nguyễn Anh	Việt	Nam	30/09/95		17	07	2013	1	6,2
39	A	Khoa học cây trồng	Bùi Quốc	Hùng	Nam	03/08/96		05	05	2014	1	6,2
40	B	Quản lý TN & MT	Đỗ Xuân	Son	Nam	12/03/96		13	21	2014	2	6,5
41	A	Quản lý TN & MT	Đinh Đức	Dương	Nam	15/09/96		18	03	2014		6,7
42	D1	Quản lý TN & MT	Vũ Anh	Dũng	Nam	02/08/95		18	01	2013	2	6,1
43	B	Quản lý TN & MT	Trần Xuân	Linh	Nam	18/01/93		18	01	2011	2	6,0
44	A	Quản lý TN & MT	Lê Trung	Kiên	Nam	07/10/96		09	06	2014	1	5,8
45	B	Quản lý TN & MT	Vũ Thị Ngân	Liên	Nữ	27/12/96		17	13	2014	1	6,5
46	A	Quản lý TN & MT	Phạm Thị	Hải	Nữ	07/02/96	01	17	13	2014	1	6,6
47	A	Quản lý TN & MT	Nguyễn Danh	Hoàng	Nam	14/12/96		18	09	2014	2NT	6,3
48	B	Quản lý TN & MT	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	10/10/95		18	09	2014	2NT	5,7
49	B	Quản lý TN & MT	Ngô Thị Bảo	Trang	Nữ	20/08/93		18	01	2011	2	6,5
50	A	Quản lý Tài nguyên rừng	Đỗ Hoàng	Nam	Nam	15/12/96		08	07	2014	1	6,1
51	B	Quản lý TN & MT	Trần Thị Minh	Thúy	Nữ	14/01/96		27	02	2014	1	6,3
52	A	Quản lý TN & MT	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	15/10/96		08	04	2014	1	7,2
53	D1	Quản lý TN & MT	Nông Văn	Chính	Nam	03/08/94		18	03	2014	1	5,9
54	B	Quản lý TN & MT	Phạm Đức	Thắng	Nam	28/04/95		18	06	2013	1	6,4
55	D1	Quản lý TN & MT	Lê Nam	Anh	Nam	16/10/95		18	10	2013	2	6,5
56	D1	Quản lý TN & MT	Nguyễn Hoàng	Khôi	Nam	02/11/96		18	06	2014		5,8
57	A	Kế toán	Tô Thị Hồng	Hạnh	Nữ	24/12/96		1B	20	2014	2	6,6
58	A	Kế toán	Lê Văn	Huy	Nam	25/09/96		18	01	2014	2	6,2
59	D1	Kế toán	Tổng Thị	Thành	Nữ	15/10/95		18	09	2014	2NT	6,0
60	D1	Kế toán	Hoàng Thị	Thanh	Nữ	30/10/96		18	09	2014	2NT	6,6
61	A	Kế toán	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	07/09/96		18	09	2014	2NT	6,4

STT	Khối	Tên ngành	Họ	Tên	GT	NS	Đối tượng	Tỉnh	Huyện	Năm TN	KV	TB THPT
62	A	Kế toán	Nguyễn Thị	Thom	Nữ	13/11/96		18	09	2014	2NT	6,2
63	A	Kế toán	Lâm Thùy	Linh	Nữ	27/02/96		28	26	2014	1	6,8
64	A	Quản lý đất đai	Ngô Duy	Phong	Nam	10/01/96		18	08	2014	1	6,5
65	A	Quản lý đất đai	Nghiêm Xuân	Công	Nam	29/01/96		10	01	2014	1	6,6
66	A	Quản lý đất đai	Vi Thùy	Linh	Nữ	10/05/96	01	10	01	2014	1	6,0
67	A1	Quản lý đất đai	Nguyễn Thành	Nam	Nam	28/07/94		18	10	2012	1	6,6
68	A	Quản lý đất đai	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	02/09/94		18	03	2013	1	6,4
69	A	Quản lý đất đai	Ngô Xuân	Hùng	Nam	02/04/96		18	01	2014	1	7,2
70	A	Quản lý đất đai	Nguyễn Khắc	Quang	Nam	08/05/96	01	13	03	2014	1	6,3
71	A	Quản lý đất đai	Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	02/06/94	01	17	13	2012	1	6,8
72	B	Quản lý đất đai	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	15/08/96		18	04	2014	1	7,9
73	A	Quản lý đất đai	Sùng A	Chu	Nam	15/12/95	01	62	05	2014	1	7,0
74	A	Quản lý đất đai	Trịnh Thanh	Tài	Nam	12/11/96		05	01	2014	1	6,5
75	D1	Quản lý Tài nguyên rừng	Ma Thị	Oanh	Nữ	09/05/95	01	06	12	2014	1	6,5
76	B	Quản lý TN & MT	Giáp Mai	Hằng	Nữ	26/09/96		18	03	2014	1	6,9
77	A	Quản lý TN & MT	Trần Tuấn	Linh	Nam	08/03/96		18	09	2014	2	6,6
78	A	Quản lý Tài nguyên rừng	Chu Văn	Điều	Nam	02/06/95	01	18	03	2014	1	5,6
79	A	Kế toán	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	20/04/96		18	02	2014	1	6,0
80	A	Khoa học cây trồng	Bế Văn	Ân	Nam	02/12/89	01	18	04	2014	1	5,5
81	B	Thú y	Nguyễn Thị	Huân	Nữ	11/04/96		19	02	2014		6,7
82	A	Thú y	Nông Thanh	Giang	Nam	07/06/95	01	06	06	2013	1	6,0
83	D1	Kế toán	Vũ Thị Thanh	Thảo	Nữ	19/12/96		22	07	2014	2NT	6,4
84	B	Kế toán	Đoàn Thị Mai	Anh	Nữ	28/10/96		18	09	2014	2NT	6,7
85	A	Công nghệ thực phẩm	Ngô Thùy	Dung	Nữ	19/05/96		18	07	2014		6,0
86	B	Công nghệ thực phẩm	Trần Phương	Cúc	Nữ	28/03/96		17	13	2014		7,8
87	B	Quản lý TN & MT	Phùng Thái	Hòa	Nam	17/11/96		25	01	2014	2	6,6
88	A	Quản lý TN & MT	Chu Thị Kiều	Vân	Nữ	21/06/96		22	07	2014	2NT	7,3
89	D1	Quản lý TN & MT	Trương Bích	Thảo	Nữ	07/09/96		18	01	2014	2	6,1
90	A	Quản lý TN & MT	Đoàn Anh	Đức	Nam	09/04/89		18	03	2007	1	6,2
91	D1	Quản lý đất đai	Quách Thị	Thương	Nữ	02/02/96		22	07	2014	2NT	6,2
92	A	Quản lý đất đai	Nguyễn Hồng	Minh	Nam	04/07/96		19	04	2014	2NT	6,7
93	A	Quản lý đất đai	Trần Văn	Mạnh	Nam	06/04/93		18	10	2011	1	6,1

STT	Khối	Tên ngành	Họ	Tên	GT	NS	Đối tượng	Tỉnh	Huyện	Năm TN	KV	TB THPT
94	A	Quản lý TN & MT	Phùng Thị Hồng	Chúc	Nữ	07/01/96		1B	15	2014	3	6,2
95	B	Quản lý Tài nguyên rừng	Lương Ngọc	Nam	Nam	21/10/94	01	06	07	2013	1	6,0
96	B	Khoa học cây trồng	Trung Thị	Duyên	Nữ	05/08/96	01	06	09	2014	1	6,2
97	B	Công nghệ sinh học	Trần Thị Như	ý	Nữ	04/01/96		18	10	2014	1	6,7
98	A	Khoa học cây trồng	Vũ Văn	Tường	Nam	09/07/93		18	03	2011	1	6,4
99	D1	Kế toán	Tạ Thị	Bình	Nữ	16/01/94		18	07	2012		5,9
100	A	Quản lý Tài nguyên rừng	Tạ Thị Bích	Tươi	Nam	11/08/96		09	01	2014	1	6,2
101	B	Thú y	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	30/01/96		18	06	2014	1	6,1
102	B	Quản lý Tài nguyên rừng	Vương Thị	Hiền	Nữ	22/10/96	01	05	02	2014	1	6,0
103	B	Quản lý TN & MT	Cáp Trọng	Lâm	Nam	23/10/96	01	10	09	2014	1	6,1
104	B	Thú y	Bùi Tú	Uyên	Nữ	27/12/96		18	07	2014	1	5,8
105	B	Quản lý TN & MT	Đào Thị	Huế	Nữ	07/01/95		19	03	2013	2NT	6,4
106	A	Thú y	Nguyễn Mạnh	Hồ	Nam	13/08/95		10	11	2013	1	5,8
107	A	Thú y	Dương Minh	Đức	Nam	06/10/94		18	07	2012	2NT	5,8
108	A	Thú y	Lò Văn	Thắng	Nam	12/04/96	01	07	06	2014	1	6,9
109	B	Thú y	Dương Thị	Hương	Nữ	08/02/95		18	06	2013	1	6,6
110	A	Công nghệ thực phẩm	Nguyễn Xuân	Tuấn	Nam	21/04/96		1B	21	2014	2	6,4
111	A	Công nghệ thực phẩm	Lê Xuân	Thành	Nam	29/12/90		19	01	2008	2	7,3
112	B	Công nghệ thực phẩm	Nguyễn Tuấn	Tú	Nam	08/12/96		19	03	2014	2NT	6,5
113	A	Công nghệ thực phẩm	Lê Thị Anh	Phương	Nữ	10/04/96		28	17	2014	2NT	6,3
114	A	Kế toán	Lương Thị	Xuân	Nữ	15/08/96		18	01	2014	2	7,3
115	A	Kế toán	Kha Thị Hồng	Nhung	Nữ	15/10/95	01	29	08	2013	1	6,1
116	A1	Kế toán	Phan Lê Thanh	Son	Nam	20/04/93	06	10	01	2011		6,9
117	A	Kế toán	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	25/11/96		19	03	2014	2NT	6,5
118	A	Kế toán	Hoàng Thị	Tươi	Nữ	08/09/83		18	09			6,6
119	A	Quản lý đất đai	Đặng Anh	Tuấn	Nam	06/11/96	01	17	12	2014	1	5,8
120	B	Quản lý đất đai	Vũ Hồng	Hà	Nam	27/04/95		05	10	2012	1	7,0
121	A	Quản lý đất đai	Tạ Văn	Tùng	Nam	04/01/96		18	10	2014	1	5,6
122	A	Quản lý đất đai	Hoàng Thị	Tình	Nữ	06/06/96	01	05	11	2014	1	6,0
123	A	Quản lý đất đai	Tạ Mạnh	Cường	Nam	07/04/94		05	06	2012		6,4
124	A	Quản lý đất đai	Nguyễn Minh	Tú	Nam	22/10/93	02	1B	26	2011		6,4
125	B	Quản lý đất đai	Hoàng Văn	Tuyển	Nam	21/10/94	01	10	04	2014	1	5,9

STT	Khối	Tên ngành	Họ	Tên	GT	NS	Đối tượng	Tỉnh	Huyện	Năm TN	KV	TB THPT
126	B	Quản lý đất đai	Nguyễn Duy	Dũng	Nam	18/04/96		1B	24	2014	2	7,2
127	A	Quản lý đất đai	Nguyễn Minh	Phuong	Nam	04/03/93		12	09	2011	2NT	6,0
128	A	Quản lý đất đai	Lương Thanh	Hải	Nam	16/07/96	01	13	05	2014	1	5,9
129	A	Quản lý đất đai	Ngô Rượu	Thanh	Nam	07/06/95		18	10	2013	1	5,8
130	A	Quản lý đất đai	Mai Văn	Sinh	Nam	15/11/96	01	08	08	2014	1	5,8
131	A	Quản lý TN & MT	Lê Thế	Mạnh	Nam	23/03/96	01	17	04	2014	1	6,9
132	A	Quản lý TN & MT	Vũ Công	Chiến	Nam	30/07/96		18	03	2014	1	6,5
133	A	Quản lý TN & MT	Lê Thành	Đạt	Nam	08/12/96		15	07	2014	1	6,2
134	B	Quản lý TN & MT	Thân Việt	Hoàng	Nam	20/02/96		18	09	2014	2NT	6,2
135	A	Quản lý TN & MT	Phạm Thị Thanh	Mai	Nữ	28/09/95		18	07	2013	1	6,4
136	B	Chăn nuôi	Trần Duy	Hưng	Nam	16/03/96		29	13	2014	1	6,1
137	B	Chăn nuôi	Lành Văn	Khu	Nam	20/08/95	01	10	01	2013	1	7,4
138	A	Quản lý Tài nguyên rừng	Vũ Trung	Anh	Nam	05/04/96		06	01	2014	1	7,6
139	A	Quản lý Tài nguyên rừng	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	12/12/96	01	05	11	2014	1	7,0
140	A	Quản lý Tài nguyên rừng	Hoàng Thị	Lường	Nữ	20/10/96	01	05	11	2014	1	6,3
141	B	Quản lý Tài nguyên rừng	Quách Ngọc	Khánh	Nam	25/08/96	01	23	09	2014	1	6,1
142	B	Quản lý Tài nguyên rừng	Võ Thanh	Tuấn	Nam	14/02/96		17	10	2014	2NT	6,0
143	A	Quản lý Tài nguyên rừng	Lý Bá	Công	Nam	16/09/95	01	29	07	2013	1	6,3
144	A	Quản lý Tài nguyên rừng	Hoàng Ngọc	Son	Nam	24/08/96		18	04	2014	1	6,3
145	B	Khoa học cây trồng	Hoàng Thị	Chuyển	Nữ	16/06/96	01	05	11	2014	1	5,9
146	B	Khoa học cây trồng	Nông Thị Phương	Lan	Nữ	16/05/96	01	05	11	2014	1	6,7
147	B	Khoa học cây trồng	Hoàng Thị	Nội	Nữ	04/09/96	01	05	11	2014		5,7
148	A	Khoa học cây trồng	Nguyễn Nhật	Tân	Nam	04/01/96	01	23	11	2014	1	5,9
149	B	Khoa học cây trồng	Vũ Mạnh	Dũng	Nam	04/11/91		03	02	2010	3	6,3
150	B	Khoa học cây trồng	Giàng Mí	Hùng	Nam	15/06/95	01	05	02	2014	1	5,6
151	A	Quản lý Tài nguyên rừng	Đieu Hoàng	Thái	Nam	01/04/84	01	13	05	2014	1	5,6
152	A	Công nghệ sinh học	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	10/08/96		18	09	2014	2NT	6,8
153	B	Quản lý đất đai	Nguyễn Vi Tiến	Đạt	Nam	21/08/96	01	05	05	2014	1	6,7
154	A	Quản lý Tài nguyên rừng	Quách Tất	Toàn	Nam	06/10/96	01	23	09	2014	1	6,6
155	B	Quản lý đất đai	Nông Thị Xuân	Phuong	Nữ	07/05/95	01	10	09	2013	1	6,1
156	A	Quản lý đất đai	Phùng Văn	Luân	Nam	14/08/95		13	04	2013		6,4
157	B	Thú y	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	10/09/96		13	08	2014	1	6,0

STT	Khối	Tên ngành	Họ	Tên	GT	NS	Đối tượng	Tỉnh	Huyện	Năm TN	KV	TB THPT
158	A1	Quản lý TN & MT	Lương Khánh	Huyền	Nữ	04/06/95	01	18	02	2013	1	5,9
159	B	Thú y	Nguyễn Thị	Thoan	Nữ	21/01/96		18	07	2014	1	6,6
160	A	Thú y	Nguyễn Thục	Linh	Nữ	24/12/96		10	11	2014	1	6,8
161	B	Thú y	Hoàng Thị Thùy	Dung	Nữ	30/11/96		26	01	2014	2	6,2